

Số: 06/BC-TH

Ea Kao, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 01002/QĐ-UBND, ngày 20/8/2025 Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Hướng dẫn số 555/SGDĐT-GDPT, ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 và tình hình thực tế của nhà trường. Trường Tiểu học Tô Hiệu xây dựng báo cáo tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Trường lớp, học sinh

- Trường có 01 điểm chính, tại 502 Lê Duẩn, phường Ea Kao, Tỉnh Đắk Lắk
- Số lớp 28 lớp; Số học sinh: 1187 em; Nữ: 586 em; HSDT: 229 em - tỉ lệ 19,31%, nữ DT 126 - tỉ lệ 10,62%, Duy trì sĩ số 1187 - tỉ lệ 100%.
- Số lớp ghép: Không có.
- Số học sinh bỏ học: Không có.

- Thực hiện rà soát, quy hoạch hợp lý mạng lưới trường, lớp: Trường đã tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức bố trí các phòng học và phòng làm việc phù hợp, hiệu quả (phòng bảo vệ và y tế; văn thư và kế toán; thư viện; 03 phòng làm việc của CBQL; 01 phòng chờ giáo viên; 01 phòng họp); đã cải tạo lại khuôn viên trường đảm bảo khoa học, an toàn, có đủ cây xanh, vườn hoa, vườn cây thuốc nam; Đã lập tờ trình đề xuất xây mới nhà vệ sinh và phòng bộ môn, khu giáo dục thể chất, cải tạo tường rào, ốp gạch sân sau, cải tạo mương thoát nước.

2. Đội ngũ

CBQL/Giáo viên/nhân viên	Tổng số	Nữ	DT	Trình độ			Ghi chú
				TC	CĐ	ĐH	
1. CBQL: 03							

H.trưởng	01	01				01	
Phó HTr	02	01				02	01 Thạc sĩ QL
2. Giáo viên: 41							
GV Tiểu học	29				04	25	
GV T.Anh	03					03	03/03 trình độ B2
GV Mỹ thuật	02					02	
GV Âm nhạc	02					02	
GV Thể dục	03					03	
GV Tin	02					02	
3. GV TPT	01					01	
4. Nhân viên: 04							
Kế toán	01	01				01	
Văn thư	01	01		01			
Thư viện	01	01				01	
Thiết bị	01			01			

- Tỷ lệ giáo viên bình quân 1,46 giáo viên/lớp.

- Cơ cấu GV so với quy định các môn học, HĐGD, thừa/thiếu cục bộ giữa các môn học và HĐGD; số giáo viên tăng: 00; số giáo viên giảm trong năm học 00.

- Đánh giá công tác bồi dưỡng và cơ cấu, chất lượng đội ngũ: Về cơ cấu đảm bảo số giáo viên của các môn học và HĐGD, thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng về công tác chuyển đổi số, về chương trình SGK mới, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Về trình độ đào tạo đạt chuẩn 37/41 người, tỷ lệ 90%% (trong đó có 01 trình độ Cao đẳng nghi theo Nghị định 154 vào tháng 9/2026, 01 nhà giáo sinh năm 1973 đề xuất nghỉ 154 vào năm 2027, còn 02 nhà giáo sinh năm 1975, 1978 nhà trường đang vận động tham gia học nâng chuẩn).

- Thuận lợi: Đội ngũ đoàn kết, tích cực trong các phong trào hoạt động, tự chủ trong bồi dưỡng chuyên môn và chuyển đổi số, ứng xử văn hóa đảm bảo môi trường giáo dục.

- Khó khăn: Khoảng 50% viên chức lớn tuổi nên việc thích ứng với công tác chuyên đổi số hiệu quả chưa cao, còn 10% viên chức chưa đạt chuẩn đã gây khó khăn trong việc bố trí chuyên môn.

- Giải pháp: Thành lập tổ công tác viên công nghệ để hỗ trợ những nhà giáo còn hạn chế về chuyên đổi số, tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên môn. Động viên nhà giáo chưa đạt chuẩn nghỉ theo chế độ 154 hoặc tham gia đào tạo nâng chuẩn theo lộ trình của Nghị quyết 71.

3. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp tiểu học

- Diện tích đất trường đang sử dụng: 11.328m²

- Tổng số phòng học hiện có là 28 phòng: 26 lớp/28 phòng là kiên cố (02 lớp phải sử dụng phòng cấp bốn).

- Phòng chức năng: Có Nhà hiệu bộ, có 03 phòng làm việc của CBQL, 01 phòng cho bộ phận văn thư và kế toán; 01 phòng thường trực bảo vệ, 01 phòng họp giáo viên, 01 phòng công đoàn.

- Phòng hỗ trợ/phục vụ học tập: 01 phòng Thư viện (tạm), 01 phòng tin học, 01 phòng học GDTC, 01 phòng truyền thống (các phòng đều tận dụng từ phòng học cấp bốn cũ trước đây).

- Bàn ghế học sinh: Đủ cho học sinh ngồi học hai buổi/ngày 01em/1 vị trí; 100% phòng học được trang bị ti vi và bảng chống loá.

- Sân chơi được lát gạch/láng xi, sạch sẽ thoáng mát, có cây cảnh, cây bóng mát, hàng rào, cổng trường, có nhà vệ sinh, có nhà xe giáo viên và học sinh.

- Thuận lợi: Trường đang trong giai đoạn rà soát trả nợ chuẩn mức độ 2 nên đang có định hướng đầu tư các hạng mục công trình còn thiếu.

- Khó khăn: Nhà vệ sinh diện tích và công năng sử dụng quá tải đối với số học sinh, chưa có phòng học bộ môn và khu giáo dục thể chất, các khối hỗ trợ học tập chưa đáp ứng nhu cầu.

- Giải pháp: Tiếp tục rà soát tham mưu đề nghị đầu tư đảm bảo các tiêu chí của trường đạt chuẩn mức độ 2, bố trí kinh phí nguồn tự chủ cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bổ sung thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu của chương trình GDPT 2018.

4. Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

4.1. Thuận lợi

- Đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung các nguồn lực để xây dựng trường tiểu học nhằm đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

- Trường đã cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí và đề nghị đánh giá ngoài đạt kiểm định chất lượng Mức 3, trường đạt chuẩn quốc gia: Mức độ 2

- Trường tiếp tục rà soát thực hiện cải tiến chất lượng sau chu kỳ đánh giá.

4.2. *Khó khăn*: Công tác tự đánh giá còn gặp khó khăn do khả năng thu thập, phân tích, mô tả minh chứng của một số thành viên chưa đồng đều, các hạng mục công trình trả nợ chuẩn 2 bị trì hoãn do sự thay đổi mô hình chính quyền địa phương.

4.3. *Giải pháp*: Tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ cho thành viên hội đồng tự đánh giá. Tiếp tục tham mưu đầu tư xây dựng các công trình trả nợ chuẩn 2

* *Kết quả*: Trường đã đạt kiểm định chất lượng Mức 3, trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Trường chưa có phòng thư viện riêng (tạm): 01

- Số thư viện nhân rộng: 01

- Số lượng, tỉ lệ trường có thư viện hoạt động hiệu quả, trường được kiểm tra công nhận thư viện đạt chuẩn trở lên: 01

5. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

5.1. Kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

5.1.1. Thuận lợi

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Giáo dục số 12/KH-TH, ngày 25/8/2025 về triển khai cụ thể hóa trong các tổ chuyên môn kịp thời, hiệu quả.

- Kế hoạch đã thể hiện tính chủ động về thời gian thực hiện chương trình và đảm bảo hiệu quả, khoa học, thể hiện tính sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

- Các tổ chuyên môn đã rà soát và điều chỉnh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các khối lớp; một số nội dung đã thống nhất sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không có sự cắt xén cơ học mà nhà trường đã tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục để học sinh được học tập với tâm thế nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh;

- Định kì hàng tháng các tổ sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, mỗi giáo viên đã nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa mà nhà trường đang thực hiện; đã chủ động, linh hoạt trong điều chỉnh ngữ liệu để phù hợp với đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh;

- Đã thực hiện đồng bộ các kế hoạch trong hoạt động giáo dục: Giáo dục STEM, giáo dục địa phương, tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số (DTTS); tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường, giáo dục bảo tồn động vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, ...

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và TT 26/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 37.

- Đủ số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục cũng như giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc (Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Công Nghệ, Ngoại ngữ 1 (lớp 3,4,5), Hoạt động trải nghiệm).

- Mỗi khối lớp đều được bố trí tối thiểu từ 2-3 tiết/tuần để tổ chức các hoạt động củng cố, hỗ trợ học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

5.1.2. Hạn chế: Tính sáng tạo, nhạy bén của một số nhà giáo trong công tác đổi mới còn hạn chế; một số học sinh chưa đồng đều về năng lực, có 06 em còn khó khăn trong đọc và viết.

5.1.3. Nguyên nhân và giải pháp:

- Một số nhà giáo lớn tuổi; Các em không tập trung được quá 10 phút, khả năng ghi nhớ kém, học trước rồi lại quên sau.

- Tổ chức tốt các buổi sinh hoạt chuyên đề, lập nhóm chuyên sâu để bồi dưỡng về nghiệp vụ cho nhà giáo tại các kì sinh hoạt tổ, chuyên môn trường; tăng cường phụ đạo học sinh theo nhóm đối tượng (đã bóc tách riêng 06 học sinh thành 01 nhóm cùng trình độ để dạy lại chương trình lớp 1), đã mời Trung tâm GDTKT về đánh giá sàng lọc và tư vấn phụ huynh thăm khám, điều trị thêm cho học sinh tăng khả năng ghi nhớ.

* *Kết quả*: 100% nhà giáo thực hiện đúng chương trình GD quy định, học sinh được tiếp cận đầy đủ nội dung chương trình GDPT đề ra, 06 học sinh khó khăn về đọc viết đã nhớ lại được bảng chữ cái.

- *Chất lượng giáo dục*:

- HTXS: 556 em – TL 46,9%
- Hoàn thành Tốt: 259 em – TL 21,8%
- Hoàn thành: 356 em – TL 30%
- Chưa hoàn thành: 15 em – TL 1,3% (rèn luyện trong hè).

1.2. Hoàn thành chương trình

- HS hoàn thành CTLH (lên lớp) 1.171/1.187em – 98,7%, trong đó HS hoàn thành chương trình tiểu học: 216 em -Đạt 100%

- Chưa HTCTLL còn 15em – 1,3%.

5.2. Dạy học 2 buổi/ngày

- *Thuận lợi*:

+ Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-TH, ngày 15/9/2025 về tổ chức dạy học hai buổi/ngày. Đảm bảo 01 lớp/01 phòng học; 100% học sinh được học 9buổi/tuần (hai buổi/ngày, 32 tiết/tuần);

+ Tổ chức dạy 09 buổi/tuần cho học sinh toàn trường (32 tiết/tuần).

+ Tổ chức đa dạng các hoạt động học tập và giáo dục theo quy định của chương trình.

+ Tổ chức dạy các tiết tăng cường toàn trường ngoài các tiết học chính theo phân phối chương trình (từ 02 - 07 tiết/tuần tùy vào mỗi khối lớp), tập trung vào hai môn công cụ: Toán và Tiếng Việt (tỉ trọng chính dành cho môn Tiếng Việt 70% - 80% các tiết luyện).

. Tăng cường Tiếng Việt: Tập trung vào phân luyện và phát triển kỹ năng đọc tron, nghe viết, đặc biệt chú trọng đến học sinh đồng bào thiểu số, nhằm giúp học sinh có vốn Tiếng Việt để học tốt các môn học khác, đồng thời tạo cho các em khả năng giao tiếp tốt.

. Tăng cường môn Toán: Tập trung vào phân luyện và phát triển kỹ năng thực hiện các phép tính trong phạm vi và giới hạn của chương trình, đồng thời phát triển kiến thức theo chuẩn trình độ học sinh.

+ Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua các tiết học và HĐTN.

+ Đối với các ngày được nghỉ theo quy định trong năm: Những tiết học theo chương trình thuộc các ngày nghỉ lễ sẽ dạy bù vào chiều thứ sáu của tuần liền trước hoặc các tuần kế tiếp của ngày nghỉ lễ đó (tùy thuộc vào số tiết nghỉ), hoặc xây dựng bài học theo chủ đề/tổ chức dạy bù vào chiều thứ sáu tuần kế tiếp.

- *Khó khăn*: 02 phòng học còn tạm, chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn phòng học,.

- *Nguyên nhân và giải pháp*: Do thiếu phòng học cơ bản, nhà trường phải tận dụng phòng học cấp bốn cũ để học. Nhà trường đã rà soát, lập tờ trình tham mưu UBND đầu tư xây dựng trong thời gian tới.

5.3. Dạy Tiếng Ê đê và Tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS

a) Dạy tiếng Êđê: Không có

b) Tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS: Số lượng học sinh DTTS 229 em.

- *Kết quả thực hiện*: Đã thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS qua các hình thức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.

- *Thuận lợi*: Được sự quan tâm chỉ đạo của ngành Giáo dục, chính quyền địa phương và nhà trường đối với công tác tăng cường Tiếng Việt cho học sinh. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, chủ động đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nên có thêm thời gian hỗ trợ học sinh còn hạn chế về Tiếng Việt. Nhiều phụ huynh ngày càng quan tâm hơn đến việc học của con em. Hệ thống học liệu, tranh ảnh, thiết bị dạy học, ứng dụng CNTT hỗ trợ tốt cho việc rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

- *Khó khăn*: Nhiều học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số, vốn Tiếng Việt còn hạn chế, khả năng giao tiếp chưa tốt. Một số học sinh phát âm chưa chuẩn, học trước quên sau, ngại giao tiếp bằng Tiếng Việt. Môi trường giao tiếp bằng Tiếng Việt ở gia đình và cộng đồng chưa thường xuyên. Trình độ học sinh không đồng đều, giáo viên gặp khó khăn trong tổ chức dạy học theo đối tượng. Một số phụ huynh còn hạn chế trong việc phối hợp hỗ trợ con học tập tại nhà. Một số học trước quên sau.

- *Giải pháp*: Tăng cường rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh thông qua các hoạt động học tập và giao tiếp hằng ngày. Tổ chức phụ đạo học sinh chưa

hoàn thành, đặc biệt chú trọng học sinh lớp 1 và học sinh dân tộc thiểu số. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng trực quan, sinh động, lấy học sinh làm trung tâm. Tăng cường sử dụng tranh ảnh, video, trò chơi học tập, ứng dụng CNTT để tạo hứng thú cho học sinh. Xây dựng môi trường giao tiếp Tiếng Việt trong lớp học và trong các hoạt động trải nghiệm. Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để rèn thêm Tiếng Việt cho học sinh tại nhà. Động viên, khích lệ học sinh mạnh dạn giao tiếp, tạo tâm lý tự tin khi sử dụng Tiếng Việt. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm dạy tăng cường Tiếng Việt giữa giáo viên trong nhà trường.

5.4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức thực hiện lớp ghép

a) Đối với trẻ khuyết tật: có 09 học sinh khuyết tật

Thuận lợi

Trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch giáo dục người khuyết tật hòa nhập; Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật đã được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật.

Trường đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập.

Khó khăn: Còn một số học sinh có những biểu hiện hạn chế về khả năng nhận thức và vận động nhưng phụ huynh chưa thừa nhận để thăm khám và có hướng can thiệp sớm cho trẻ; công tác giám định mức độ tật của trẻ chưa được thuận lợi, dẫn đến việc thực hiện chế độ và đánh giá học sinh còn bất cập.

Giải pháp: Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu, tư vấn phụ huynh trong việc nhận định vấn đề của trẻ để có hướng can thiệp sớm; đề xuất với các cấp có thẩm quyền giám định và xác định dạng tật cho trẻ kịp thời hơn.

Kết quả: 100% trẻ khuyết tật trên địa bàn trường tuyển sinh đã được huy động ra lớp hòa nhập, các em được học tập và đánh giá theo hồ sơ giáo dục cá nhân. 100% học sinh được xét lên lớp.

b) *Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn:* Có 06em, trong đó 05 học sinh là người DTTS tại chỗ (04em trong cùng 1 dòng họ gần), 01 em bị té đập đầu vào đá lúc 2 tuổi, 01 em sinh năm 2014 mắc chứng khó ghi nhớ, học trước quên sau)

Thuận lợi: Trường đã triển khai xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân, bóc tách tại lớp và bóc tách thành nhóm riêng; Bảo đảm các điều kiện để học sinh tật được tiếp cận với giáo dục, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh đã được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh.

Khó khăn: Học sinh thiếu sự tập trung, hiếu động, khó ghi nhớ, hay nghỉ học, gia đình khó khăn nên đi làm không có thời gian hỗ trợ nhắc nhở con.

Giải pháp: Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu, tư vấn phụ huynh trong việc nhận định vấn đề của trẻ để có hướng can thiệp sớm; đề xuất với các cấp có thẩm quyền giám định và xác định dạng tật cho trẻ kịp thời hơn.

Kết quả: 100% học sinh khó khăn đã được học tập và đánh giá theo hồ sơ giáo dục cá nhân. 100% học sinh được trung tâm khuyết tật đánh giá sàng lọc, giáo viên được định hướng giảng dạy cho học sinh phù hợp.

c) Tổ chức thực hiện lớp ghép: Không có lớp ghép.

6. Các hoạt động, phong trào, cuộc thi tổ chức cấp xã

- Kết quả thực hiện: Tham gia hiến máu nhân đạo, chạy ngày hội toàn dân rèn luyện sức khỏe, trồng cây, viết sáng kiến với 07 đề tài tham gia đạt cấp phường. Đạt giải A tiết mục văn nghệ Hội diễn ngành giáo dục của phường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả chất lượng giáo dục học sinh

1.1. Xếp loại giáo dục: Tổng số 1.187 em

- HTXS: 556 em – TL 46,9%
- Hoàn thành Tốt: 259 em – TL 21,8%
- Hoàn thành: 356 em – TL 30%
- Chưa hoàn thành: 15 em – TL 1,3% (rèn luyện trong hè).

1.2. Hoàn thành chương trình

- HS hoàn thành CTLH (lên lớp) 1.171/1.187em – 98,7%, trong đó HS hoàn thành chương trình tiểu học: 216 em -Đạt 100%

- Chưa HTCTLL còn 15em – 1,3%.

1.3. Các phong trào, sân chơi

- Cấp Quốc gia: 01 em đạt giải Bạc IOE, 01 em giải Ba Trạng Nguyên TV.

- Cấp Tỉnh: Có 88 em đạt thành tích trong ba sân chơi trí tuệ.

+ Nhất: 01 em (Trạng nguyên TV).

+ Nhì/Bạc: 19 em (10 em TNTV, 09 em ĐTTH)

+ Ba/Đồng: 30 em (27 em TNTV, 03 em ĐTTH)

+ KK/CN: 38 em (28 em KK TNTV, 08em KK ĐTTH, 02 em đạt IOE).

- Cháu ngoan Bác Hồ, phong trào Đội: 84 em.

1.4. Danh hiệu khen thưởng

Khen thưởng về thành tích trong học tập: 995 em – TL 83.9%, trong đó:

- HS đạt DH xuất sắc: 557em – 46,9%
- Khen thưởng nổi bật/tiêu biểu: 259 em – 21,8%
- Khen thưởng về phong trào: 179 em – 15%

2. Chất lượng đánh giá đội ngũ

- Đánh giá chuẩn CBQL: 01 Tốt – 33,3%; 02 Khá – 66,7%
- Đánh giá chuẩn GV: 41 Khá – 97,6%; 01 Đạt – 2,4%
- Đánh giá viên chức: 09 xuất sắc – 18%; HTTNV 39 – 79%; HTNV 02 – 4,0%

3. Những việc làm sáng tạo và đột phá trong năm học: 10 sáng kiến nâng cao chất lượng giáo dục, tổ chức ngày hội STEM văn hóa Ê Đ, 01 học sinh đạt giải Ba Trưng Nguyên Tiếng Việt, 01 học sinh đạt giải Bạc IOE cấp Quốc gia.

4. Cơ sở vật chất: Đã tham mưu khảo sát đầu tư xây dựng phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, khu giáo dục thể chất, ốp gạch sân, làm mương thoát nước.

5. Những tồn tại hạn chế cần khắc phục

- Chất lượng giáo dục học sinh: Còn 15 em (1,3%) chưa hoàn thành cần bồi dưỡng thêm trong hè và kiểm tra lại trong tháng 8. Số học sinh trên lớp còn cao hơn so với quy định (từ 8-10em).

- Đội ngũ giáo viên: Vẫn còn tình trạng thừa thiếu cục bộ, dẫn đến việc phân công chuyên môn còn trái với chuyên môn đào tạo. Còn 04 nhà giáo chưa đạt chuẩn đào tạo theo Luật giáo dục 2019.

- Công tác quản lý, quản trị trường học:

+ Công tác lập kế hoạch chưa thật sự sát thực tế. Một số kế hoạch còn mang tính hình thức, chưa bám sát điều kiện thực tiễn của nhà trường; Việc dự báo khó khăn, rủi ro và giải pháp thực hiện chưa cụ thể; Công tác chỉ đạo, điều hành đôi lúc chưa đồng bộ; Việc phân công nhiệm vụ có lúc chưa rõ trách nhiệm; Công tác phối hợp giữa các bộ phận, tổ chuyên môn đôi khi chưa chặt chẽ.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế: Một số giáo viên chưa thành thạo trong sử dụng phần mềm, hồ sơ điện tử. Việc khai thác dữ liệu số, quản trị trên nền tảng số chưa hiệu quả.

+ Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều: Một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong đổi mới phương pháp dạy học. Tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của một số cá nhân chưa cao.

+ Công tác kiểm tra, giám sát đôi khi chưa thường xuyên: Việc theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ có thời điểm chưa kịp thời.

Cơ sở vật chất: Chưa bố trí được kinh phí kịp thời trong năm 2025 để xây dựng các hạng mục trả nợ chuẩn 2.

- Trách nhiệm hiệu trưởng: Tiếp tục tổ chức tốt công tác tuyên truyền, xây dựng khối đoàn kết trong tập thể và sự đồng thuận của phụ huynh. Phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục; tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị. Tổ chức tốt các lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý về tài chính tài sản, thực hiện quy chế chuyên môn, công khai đúng quy định.

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 của trường tiểu học Tô Hiệu.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Phòng VH-XH;
- Lưu HSTĐ.

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG
Hiệu trưởng



Đoàn Thị Tuyết Yến